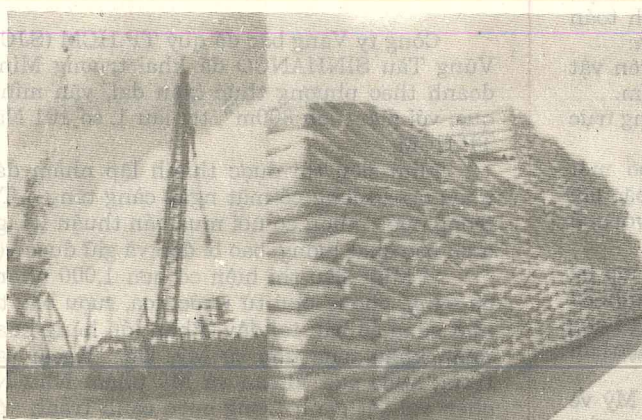


THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI

VÀ SUY NGHĨ VỀ CHÍNH SÁCH XUẤT KHẨU NÔNG SẢN CỦA VIỆT NAM

PGS.PTS. VÕ THANH THU



I. ĐẶC ĐIỂM THỊ TRƯỜNG VÀ GIÁ CẢ NÔNG SẢN QUỐC TẾ

Nghiên cứu tình hình buôn bán quốc tế người ta dễ dàng nhận thấy: Sự giảm mạnh tỷ trọng kim ngạch buôn bán quốc tế của nhóm ngành hàng lương thực, thực phẩm và đồ uống trong toàn bộ kim ngạch XNK của thế giới. Cụ thể:

1937	1960	1970	1980	1990	1992
22,8%	19,4%	14,7%	11,1%	9,5%	9,2%

Giải thích hiện tượng này bằng các nguyên nhân:

Thứ nhất, mức sống của thế giới tăng nhanh, nhưng nhu cầu tiêu dùng lương thực thực phẩm tăng chậm hơn nhóm ngành hàng khác. Kết quả tỷ trọng buôn bán giảm.

Thứ hai, nhờ có chính sách coi trọng nông nghiệp ở các nước kinh tế phát triển lẫn các nước đang phát triển, nhiều nước đã tự túc được lương thực thực phẩm từ đó nhu cầu buôn bán mặt hàng này giảm. Ví dụ: 10 năm trở lại đây nhờ có chính sách nông nghiệp chung nên nông nghiệp của các nước EEC phát triển rất nhanh, mức độ tự cấp tự túc lương thực, thực phẩm của 12 nước thành viên tăng lên nhiều. Pháp tự túc 100% nhu cầu trong nhiều loại thực phẩm, Anh tự túc được 82% nhu cầu về thịt... Hiện nay EEC đang "ế thừa" nhiều loại thực phẩm đặc biệt là bơ sữa. Hay do ảnh

hưởng của cuộc "cách mạng xanh" Ấn Độ, Trung Quốc, Pakistan... đã

tự túc được gạo và có dư thừa để xuất khẩu.

Thứ ba, do tình hình cung cấp lương thực thực phẩm ở nhiều mặt hàng đã vượt cầu có khả năng thanh toán, làm cho giá cả nhiều loại lương thực, thực phẩm giảm sút mạnh, cũng làm kim ngạch buôn bán ngành hàng này giảm. Ví dụ giá bình quân trên thương trường quốc tế về nhóm ngành hàng lương thực thực phẩm 1990 giảm 16% so với năm trước, 1991 giảm thêm 8%, năm 1992 giảm thêm 6%

nữa. Riêng từng mặt hàng chúng ta có thể hình dung: + Ngành hàng đồ uống: Nếu chỉ số giá ngành hàng này là 100 vào 1985 thì cuối 1991 giá chỉ đạt 55%.

+ Hay gạo 5% tằm FOB Bangkok năm 1981 giá 481 USD/tấn; năm 1991 chỉ còn 310 USD/tấn, 1992 giá 275 USD/tấn; 6.1993: 205 USD/tấn.

+ Hay cà phê trước tháng 7.1989 giá tại thị

trường London là 2.130 USD/tấn, tháng 8.1989 chỉ còn 1.202 USD/tấn, đầu 1990 là 1.054 USD/tấn, 1991 giá trung bình 700 USD/tấn, năm 1992 giá cà phê hồi phục tháng 8.1992: 725 USD/tấn, tháng 12/1992 giá 1.015 USD/tấn, sang 1993 giá tăng cao đạt 1.300-1.400 USD/tấn. Nhưng so với thời điểm trước tháng 7.1989 giá chỉ bằng 60%.

Tương tự như vậy đối với các mặt hàng đường, tiêu, điều, cao su đều có hiện tượng giảm giá mạnh.

Thứ tư, chính sách bảo hộ nông nghiệp đang gia tăng, đặc biệt chính sách trợ giá nông sản làm cho việc buôn bán nông sản quốc tế gặp khó khăn gấp bội. Sau đây là một vài số liệu về tình hình trợ giá của các nước

TRỢ CẤP SẢN XUẤT ĐỐI VỚI MỘT SỐ SẢN PHẨM (% so với tổng giá trị bán sản phẩm) 1979-1990

Nước	Mỹ				EEC				Nhật			
	79-86	87	89	90	79-86	87	89	90	79-86	87	89	90
Năm												
Tên sản phẩm												
Lúa mì	28	64	25	44	32	60	27	46	96	103	95	99
Ngũ cốc dùng cho gia súc	21	46	30	24	34	68	35	52	97	102	94	46
Lúa gạo	31	50	40	49	46	62	51	60	79	94	86	87
Hạt có dầu	8	10	9	7	45	70	60	69	82	79	67	69
Đường	46	71	46	47	55	78	49	57	68	75	63	62
Sữa	63	70	55	62	55	67	59	69	83	91	83	85
Thịt bò	34	37	32	31	47	46	55	54	62	60	59	54
Thịt lợn	7	7	7	6	6	6	6	6	42	46	54	37
Thịt gà	8	35	10	10	20	22	26	28	17	13	13	13

(Nguồn: OECD, Agricultural Policies; Market and Trade: Monitoring and Outlook 1991, Paris 1991)

công nghiệp phát triển thế giới.

Theo số liệu trên, Nhật Bản là nước có mức trợ cấp cao nhất: trợ cấp lúa mì là 99%, lúa gạo 87%, hạt có dầu 69%, đường 62%, sữa 85%, các con số tương ứng của EEC 46%, 52%, 60%, 69%, 57%, sữa 69%. EEC đứng thứ 2 sau Nhật, và đứng thứ 3 là Mỹ.

Chẳng những các nước công nghiệp phát triển thi hành chính sách trợ giá nông sản, mà các nước đang phát triển cũng thi hành chính sách trợ giá, ví dụ như Thái Lan trợ giá cho mỗi tấn lúa là 300 baht; hoặc ở Malaysia, Quỹ năng đỡ phát triển nông nghiệp chiếm đến 20% ngân sách của liên bang...

Chính mức trợ cấp lớn làm cho giá nông sản ở nhiều mặt hàng bán thấp hơn giá thành sản xuất, nó ảnh hưởng xấu tới sản xuất và kinh doanh nông sản của các nước nghèo, mà ngân sách chính phủ không cho phép tài trợ lớn để đảm bảo giá cạnh tranh trên trường quốc tế.

II. VÀI NHẬN XÉT VỀ TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU NÔNG SẢN CỦA VN

VN là đất nước có nhiều lợi thế để phát triển mạnh nông nghiệp: đất đai, con người, và khí hậu nhiệt đới. Trong những năm qua trừ dầu khí, thì nông nghiệp đã mang lại nhiều ngoại tệ XK nhất cho đất nước. Ví dụ 1992 gạo với khối lượng XK gần 2 triệu tấn, mang về khối lượng ngoại tệ ước tính 450 triệu USD, thủy sản 305 triệu USD, cà phê trên dưới 100 triệu... (kim ngạch XK của VN năm 1992 là 2.400 triệu USD). Tuy nhiên nghiên cứu thị trường và giá cả nông sản thế giới, ta có thể rút ra những hạn chế sau đây về tình hình XK nông sản của VN.

Thứ nhất, những mặt hàng nông sản XK của VN, hầu hết giá bị giảm mạnh trên trường quốc tế: gạo, cà phê, cao su, đậu phộng, đậu nành... dẫn tới giá thu mua trong nước giảm, người sản xuất bị thiệt hại. Như vậy những yếu tố kích thích đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp rất thấp.

Thứ hai, chúng ta chưa có thị trường XK nông sản ổn định, ngay cả những mặt hàng nông sản chủ lực như gạo, cà phê, cao su... việc XK mang tính "buôn chuyển" "thu gom" thường xảy ra tình trạng ngành hàng nào XK thuận lợi thì nhiều đơn vị đổ xô vào "mua tranh" trên thị trường nội địa, "bán tranh" trên thị trường thế giới, hậu quả là hiệu quả XK thấp. Còn khi mua bán không thuận lợi, thì bỏ mặc người sản xuất, cách làm như vậy khiến cho hoạt động XK tách khỏi sản xuất, nhiều khi đối lập với sản xuất, dẫn tới cả sản xuất và XK hoạt động thiếu ổn định, thiếu chiến lược phát triển lâu dài.

Thứ ba, Nhà nước chưa có chính sách nhất quán và toàn diện về bảo hộ và đảm bảo sự ổn định cho phát triển nông nghiệp. Tình trạng để mặc cơ chế thị trường tự điều tiết sản xuất nông sản xuất khẩu gây thiệt hại cho sản xuất thường xuyên diễn ra: Kêu gọi trồng bông, nhưng không có tiền để thu mua, nông dân trồng đậu phộng XK, khi thị trường thế giới bị xuống giá, phải bán đổ bán tháo cho tư thương, nạn chặt điều, cà phê thường xuyên xảy ra những năm qua khi mặt hàng này bị giảm giá trên trường quốc tế.

Thứ tư, khâu chế biến nông sản chưa được coi trọng và có chính sách đầu tư thích đáng; trong XK, nông sản thô ít qua chế biến còn cao. Kết quả hiệu quả kinh doanh thấp. Ví dụ XK cà phê hòa tan trị giá cao từ 7-10 lần so với XK cà phê hạt, trong khi đó chi phí chỉ cao hơn từ 2,5-3 lần.

Thứ năm, ta chưa tham gia vào quá trình phân công lao động quốc tế và gia nhập các tổ chức quốc tế quan trọng như GATT (Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch), nên hàng XK của VN chưa được hưởng những ưu đãi về thuế quan khi buôn bán với các thị trường tiềm năng của thế giới. Hầu hết hàng nông sản của VN phải bán qua các thị trường trung gian, ví dụ Malaysia là nước XK cao su

lớn, nhưng cao su của VN lại phải bán rẻ cho Malaysia từ 20-30%, sau đó để họ bán lại cho các thị trường trực tiếp kiếm lời. Tình trạng tương tự như vậy khi XK đối với các mặt hàng gạo, cà phê, thủy sản...

III. MẤY SUY NGHĨ VỀ ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH XK NÔNG SẢN CỦA VN

Như trên đã phân tích, sự biến động về giá là nguồn gốc nghiêm trọng của sự bất bình đối với phát triển nông nghiệp, ảnh hưởng trực tiếp tới sản lượng sản xuất. Cho nên, vai trò điều tiết và hỗ trợ của Nhà nước đối với sản xuất và kinh doanh nông sản thông qua các công cụ hệ thống thuế quan, tài chính-tín dụng, xây dựng quỹ bình ổn giá đối với loại nông sản chủ lực và các quy



định 151/TTg ngày 12.4.1993 của Thủ tướng chính phủ chủ yếu dựa vào chênh lệch giá hàng XK và giá thu mua nông sản nội địa. Mà như trên đã phân tích, giá cả nhiều loại nông sản thế giới giảm mạnh, nhiều mặt hàng nông sản của ta cũng trong tình trạng như vậy. Vậy liệu Quỹ bình ổn giá có nguồn thu ổn định không? Có tác dụng hỗ trợ thiết thực không đối với giá thu mua nông sản? Nên chăng, nghĩ đến việc Nhà nước dùng một phần thuế thu từ nông nghiệp hoặc bỏ hẳn một khoản vốn vay từ các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế để bổ sung cho Quỹ bình ổn giá. Vì vậy nông sản ổn định cũng là trực tiếp góp phần thúc đẩy phát triển nông nghiệp.



chế sử dụng các quỹ này, hỗ trợ về kỹ thuật nông nghiệp cho nông dân. Cụ thể:

- Rất cần thiết Nhà nước tham gia can thiệp vào quá trình mua bán và dự trữ những nông sản chủ lực như lúa gạo, cà phê, điều, cao su... để mua nhanh với khối lượng lớn, giá cả phải chăng vào đúng thời vụ thu hoạch tạo nên tâm lý "cầu" của thị trường, tránh để giá xuống thấp gây thiệt hại cho nhà sản xuất nông nghiệp. Có dự trữ nông sản hoặc thông qua việc cho vay vốn những nhà kinh doanh XK chuẩn bị lực lượng hàng hóa cũng giúp cho việc bình ổn giá nông sản, vì tình hình thiếu vốn, nên các nhà XK VN khi ký xong hợp đồng mới "đi chợ" thu gom hàng XK, đẩy giá lên làm giàu cho tư thương.

- Việc lập Quỹ bình ổn giá nông sản theo quyết

- Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi và ưu đãi để khuyến khích đầu tư vào công nghiệp chế biến nông sản để giảm bớt tỉ lệ XK nông sản thô, tăng giá trị hàng XK góp phần tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động.

- Thay đổi dần dần cơ cấu XK nông sản của ta, tìm những loại hàng hóa ít chịu sức ép cạnh tranh và giảm giá trên trường quốc tế. Đặc biệt chú ý đầu tư thích đáng cho những loại nông sản nhiệt đới.

- Tổ chức sắp xếp lại sự hoạt động của các hiệp hội XK các ngành hàng nông sản. Hiệp hội XK gạo, cà phê, thủy sản, lâm sản... cũng góp phần ổn định thị trường nông sản trong nước và thống nhất chính sách buôn bán với bên ngoài. ♣